Tập 4 — Mấy Ông Sợ Quậy Phá

Một Cuộc Đời, Một Vầng Nhật Nguyệt (Minh Đức Triều Tâm Ảnh)

Vấn đề ngủ nghỉ tại Trúc Lâm đang yên ổn như vậy thì một hôm, nhóm tỳ-khưu Mettiya và Bhummajakā(1) lặn lội từ phương xa tìm đến. Họ là những người sơ tu, và nói là đệ tử của tôn giả Sāriputta nhưng ai cũng ngờ ngợ và khó chịu khi nhìn thấy cách mặc y, mang bát, đi đứng nói năng của họ còn quá nhiều tục tính. Chỗ ở tại đại tịnh xá này, tuy là hàng ngàn liêu thất nhưng bao giờ cũng không thừa chỗ. Những nơi tươm tất, chu đáo, yên tĩnh nhất thường để dành cho chư vị trưởng lão tôn túc. Những nơi tương đối đàng hoàng tiện nghi thì để dành cho những vị thâm niên cao hạ. Chỗ khác thì để dành cho những nhóm học chúng kinh, luật, Abhidhamma, thiền định... Chỗ khác nữa là chư khách tăng tôn túc vãng lai. Chỗ còn lại là chư tăng tỳ-khưu hoặc sa-di nội trú để chăm lo mọi Phật sự, tăng sự trong ngoài. Bởi vậy, khi hai nhóm tỳ-khưu Mettiya và Bhummajakā xin chỗ ở, đại đức Dabba (1) Thường được gọi chung là nhóm lục sư. Như đã ghi chú ở một chương trước, hai nhóm tỳ-khưu Paṇḍuka và Lohitaka ở Jetavana, hai nhóm tỳ-khưu Assaji và Punabbasuka ở Kiṭāgiri, còn ở Veḷuvana là nhóm của hai vị này. Đây là nhóm lục sư hay quậy phá, thường bị hành xử, sau đó mới chế định học giới. Họ không phải là nhóm "lục sư ngoại đạo" như nhiều nơi đã ghi nhầm lẫn.

126 Một Cuộc Đời Một Vầng Nhật Nguyệt

Mallaputta và chúng của ngài chỉ có khả năng thu xếp chỗ ở tạm thời thôi. Thế là họ la ó, làm ầm ĩ và huyên náo lên. Dù giải thích thế nào họ cũng đòi chỗ tốt, chỗ tiện nghi hơn. Thế là chư vị trưởng lão phải xuất hiện để răn đe, nghiêm khắc giáo giới họ mới chịu yên. Đại đức Dabba cũng không chấp trước gì, im lặng cho người quét tước, dọn dẹp, cho sắp đặt thêm những vật dụng thiếu thốn, đáp ứng một số tiện nghi cho họ. Yên ổn được mấy hôm thì phát sanh vấn đề khác cần phải chấn chỉnh. Các vị sa-di đến trình với đại đức là: Họ thường hay ở mình trần đi đây đi đó. Họ làm nước lai láng trong phòng tắm. Họ đi vệ sinh tiêu, tiểu không dội nước cho sạch. Họ quăng y bẩn bừa bãi trong phòng tắm hơi. Họ kỳ cọ lưng nhau rồi đùa bỡn, cười cợt thô tục. Có đôi vị vẽ hình lên thân thể. Chỗ ngủ của họ, gối kê, tấm đắp được rắc đầy dầu thơm. Họ ngủ chung giường, chung chiếu, chung tấm đắp, hai ba người một chỗ. Họ ăn chung với nhau một bát, uống chung nhau một cốc... Thế rồi, chư vị trưởng lão như Assaji, Vappa, Nadīkassapa, Gayākassapa, Kāḷudāyi... đã phải họp chúng, đưa ra những điều học trước đây đã từng chế định tại Kosambī để khiển trách, la rầy họ, sau đó đưa ra những hình phạt tương thích. Vấn đề phức tạp thứ hai là thọ thực. Thường thì nhiều gia chủ trong kinh thành Rājagaha thỉnh chư tăng đặt bát cúng dường tại tư gia. Ngoại trừ những lần cúng dường lớn thì năm trăm vị, một trăm vị còn bình thường thì năm vị, mười vị, hai mươi vị, cũng có đôi nơi hai hoặc bốn vị. Có những thí chủ lại đích thân thỉnh những vị trưởng lão mà họ kính trọng, ngưỡng mộ. Sự sắp xếp, phân bố trì bình mỗi ngày theo yêu cầu của thí chủ cũng là bổn phận của đại đức Dabba Mallaputta. Vị nào không có trong danh sách này thì phải đi khất thực tùy ý trong kinh thành hoặc vùng phụ cận. Minh Đức Triều Tâm Ảnh 127

Tại nhà ăn, chư vị trưởng lão làm nơi nương tựa cho chúng hoặc chư đại đức, tỳ-khưu sống nhiều năm phụ trách những lớp giảng huấn thường được đại đức Dabba cho sa-di dâng thêm bơ, sữa hoặc dầu ăn thơm ngon cho quý ngài. Nhóm tỳ-khưu Mettiya và Bhummajakā cảm thấy tủi thân. Họ đợi hoài cũng không có ai mời thỉnh tại tư gia. Họ đợi hoài cũng thấy chưa đến phiên mình. Khi đi trì bình khất thực trở về nhà ăn thì chẳng thấy ai dâng cho mình những thức ăn ngon như chư vị trưởng lão, như chư đại đức sống lâu năm ở đây. Bực dọc, tức tối, họ đến gặp đại đức Dabba Mallaputta để chất vấn: - Tại sao, thức ăn của chúng tôi không có gì cả, lúc nào cũng tầm thường, thô tháo, không có phẩm chất còn những vị khác thì thượng vị nầy, trân vị kia? - Cũng đúng thôi, này các vị! Đại đức ôn tồn đáp, nhưng âm giọng rắn rỏi, nghiêm túc - Vì đấy là những bậc tôn túc, thâm niên, cao hạ thì phải được kính trọng để dâng đến quý ngài những vật thực tương thích. Chư vị chỉ là những kẻ sơ tu thôi, hãy thấy rõ sự thực như vậy! Chư vị chưa có công đức gì, chưa có phước báu gì, giới đức, định đức, tuệ đức ra sao mà đòi ngồi ngang hàng với chư vị trưởng lão hay sao? Trong bụng họ giận căm gan, nhưng biết điều ấy đúng với sự thực, lát sau họ chất vấn tiếp: - Cũng được đi! Nhưng việc đặt bát cúng dường tại rất nhiều tư gia, sao đợi chờ hoài cũng không đến phiên chúng tôi? - Hãy chịu khó! Hãy kham nhẫn! Sẽ có lúc đến phiên các vị thôi! Hôm kia, có một gia chủ đến thưa với đại đức Dabba Mallaputta là họ xin được thỉnh thường xuyên bốn vị đặt bát tại tư gia. Suốt sáu hôm như vậy, đại đức tuần tự sắp xếp mỗi ngày bốn vị, bốn vị một cách đều đặn. Ngày nào cũng vậy, những ai thọ bát trở về cũng tán thán ca ngợi là gia chủ 128 Một Cuộc Đời Một Vầng Nhật Nguyệt

kia, cả vợ, cả con, cả gia nhân ai cũng lịch thiệp, lễ độ, hoan hỷ; còn vật thực như cơm canh... loại cứng loại mềm đều ngon lành, tuyệt hảo. Cuối ngày thứ sáu, gia chủ tìm đến Trúc Lâm, được đại đức Dabba Mallaputta đón tiếp nơi phải lẽ, khen ngợi sự trân trọng cúng dường, nói thêm một thời pháp thuận thứ để khích lệ, tạo niềm tin thêm cho gia chủ. Trước khi ra về, với tâm hân hoan, vị gia chủ hỏi: - Ngày mai là bữa cuối cùng, không biết đại đức sắp xếp cho những ai đến thọ bát tại tư gia? - Thưa! Ngày mai đến phiên các vị sư thuộc nhóm Mettiya và Bhummajakā. Ra về, tâm vị gia chủ không được vui, tự nghĩ thầm: “Sáu ngày vừa rồi ta có nhiều phước báu vì được dâng cúng đến những vị tỳ-khưu đàng hoàng, có giới hạnh. Tại sao ngày mai, ta có cái duyên xấu gì xen vào mà mấy ông sư tồi tệ ấy lại đến phiên thọ bát tại nhà ta?” Bực bội âm ỉ trong lòng, vị gia chủ về nhà, dặn dò những người tớ gái: - Ngày mai, ta đi vắng! Các ngươi hãy sắp xếp chỗ ngồi thọ bát cho các ông sư ngay tại trong nhà kho. Và vật thực cúng dường, nên nhớ là chẳng cần thượng vị, thượng trân gì cả, cơm tấm siu ôi và nước cháo chua gì đó cũng được! Nghe đến phiên mình sẽ được “ăn ngon” vào ngày mai, nhóm tỳ-khưu Mettiya và Bhummajakā mừng vui không ngủ được. Sáng ngày, khi họ mặc y mang bát đến nhà gia chủ, họ được mời ngồi trong nhà kho. Và khi họ tưởng thọ nhận được thượng vị loại cứng, loại mềm thì họ được gia nhân sớt đầy bát cơm hẩm và canh siu. Mất mặt, bẽ bàng, tức giận, trên đường trở về, họ bàn bạc với nhau rằng: “Chúng ta đã bị ông Dabba chơi khăm, chơi xỏ rồi! Không thế thì cũng bị hắn ta tìm cách ly gián

Minh Đức Triều Tâm Ảnh 129

với gia chủ mới xảy ra cớ sự bị hạ nhục đáng hận như hôm nay!" Mới về ngang cổng Kỳ Viên, họ đã thất thểu, rớt y, rớt bát rồi ngồi ủ rũ, im lặng, vai co rút lại, ôm gối nhìn xuống đất, trầm ngâm, xấu hổ... Lúc ấy, tỳ-khưu-ni Mettiyā, vốn là người quen thân với bọn chúng, đi qua, thấy vậy, chào hỏi có vẻ ân cần, quan tâm, nhưng cả ba lần vẫn không nghe ừ, nghe hử. - Hãy giúp chúng tôi! Một người trong nhóm nói - Nghe đức Thế Tôn vừa về sáng nay. Vậy ni cô hãy vào trình bạch với ngài là chúng tôi đã bị đại đức Dabba Mallaputta bức hiếp tồi tệ, đã thông đồng với thí chủ để chơi khăm, chơi xỏ đến cạn tàu ráo máng. Ôi! Nhục ôi là nhục! Rồi họ kể lại chuyện cho tỳ-khưu-ni Mettiyā nghe, cô ta cũng nổi sùng lên: - Vậy là không được! Vậy là quá đáng, quá đáng... nhưng rồi cô chợt e ngại, nhưng mà biết nói sao cho hay, tố cáo sao cho có ấn tượng? Bọn chúng lại tham mưu cho tỳ-khưu-ni cách nói, và nói sao cho văn hoa bóng bẩy. Vị ni nầy không có giới hạnh, lại ngu si, tự dưng lại quàng việc vào mình, đã vào đảnh lễ đức Phật rồi thưa như sau: - Bạch đức Thế Tôn! "Nơi nào đúng pháp và luật thì nơi ấy không có sợ hãi, tai họa và sầu khổ! Nơi nào không đúng pháp và luật thì nơi ấy có sự sợ hãi, tai họa và sầu khổ. Chính đại đức Dabba Mallaputta đã hành xử không đúng pháp và luật, đã lăng mạ, ô nhục đệ tử. Tưởng là gió lặng nhưng mà bão đã nổi lên rồi, và lửa cũng đã bùng cháy lên rồi" xin đức Tôn Sư minh xét! Đức Phật lắng nghe trong im lặng rồi bước vào hương phòng, để lại câu nói, dặn bảo các vị trưởng lão đang có mặt:

- Hãy dựa theo pháp và luật để hành xử việc ấy. "Con trai" của Như Lai như thế nào thì các ông đều đã biết rõ. Chư vị trưởng lão khi nghe vị ni vô duyên, vô cớ cáo bậy, họ biết là ai xúi bẩy ở đằng sau rồi. Nhưng để cho sự việc được sáng tỏ, đại đức Dabba Mallaputta được gọi lên để đối chứng. - Này Dabba! Tôn giả Mahā Kassapa nói - ông đã bị vị ni này tố cáo là hành xử cái gì đó không đúng pháp và luật, đã lăng mạ, ô nhục cô ta! Vậy thì sự thực như thế nào hãy trình cho chư trưởng lão biết! - Đệ tử không biết vị tỳ-khưu-ni này! Đại đức Dabba đáp - Đây là lần đầu tiên đệ tử thấy mặt cô ta. Quả thật, đệ tử không rõ sự lăng mạ, ô nhục ấy từ đâu nẩy sanh! Tôn giả Mahā Kassapa vừa quay sang nhìn tỳ-khưu-ni Mettiyā để xem phản ứng, thái độ ra sao thì thấy sắc mặt cô ta đã xanh mét, hơi thở dồn dập có vẻ bồn chồn, rối loạn... Thấy vậy, tôn giả Upāli nghiêm khắc nói: - Tố cáo gian dối, bôi nhọ tư cách, phẩm hạnh của một vị tỳ-khưu, nhất là một bậc thánh lậu tận, cô ni ngươi có biết là tội nặng lắm không? Nhìn dáng dấp, sắc diện oai nghiêm của chư tôn túc trưởng lão, tỳ-khưu-ni Mettiyā sợ hãi quá, đành phải thú tội, thú nhận, là do nhóm tỳ-khưu Mettiya và Bhummajakā xúi giục, cô vì ngu si, dại dột, nhẹ dạ nên lỡ phạm lỗi lầm. Thế rồi, bọn chúng được chư trưởng lão gọi lên. Chúng đã không tỏ ra thành tâm cải hối lại còn có vẻ căm hận tỳ- khưu-ni Mettiyā dám tố cáo mình! Sau đó, nội vụ được sáng tỏ, bởi chúng có phẩm hạnh lôi thôi, ăn nói, đi đứng, y bát thiếu tăng tướng, thiếu tư cách nên cư sĩ cận sự nào có trí, chỉ cần liếc nhìn qua là họ biết ngay. Vì ông cư sĩ này ghét bọn chúng nên "chơi khăm" như vừa kể. Lỗi không phải do đại đức Dabba Mallaputta. Thế là nhóm tỳ-khưu Mettiya và Bhummajakā bị phạt nhốt ở trong Minh Đức Triều Tâm Ảnh 131

phòng, bị phạt làm vệ sinh nhà xí, vệ sinh mương cống, lao tác bửa củi, gánh nước... Tỳ-khưu-ni được răn đe nghiêm khắc rồi gởi trả về Ni viện để chư trưởng lão Ni tùy nghi xử phạt. Chuyện chưa thôi. Thế mà bọn chúng vẫn tánh nào tật nấy. Hôm kia, chúng đi bát, thấy một con dê đực đang giao phối với một con dê cái trên sườn núi. Chúng tự đùa bỡn, gọi tên con dê đực là tỳ-khưu Dabba Mallaputta, con dê cái là tỳ-khưu-ni Mettiyā. Về tu viện chúng kể oang oang chuyện ấy cho nhiều người nghe rồi kết luận: - Không phải nghe bằng lỗ tai mà chúng tôi thấy tận mắt: Con dê đực Dabba Mallaputta làm tình với con dê cái Mettiyā! Đức Phật đã phải gọi chư vị trưởng lão đến: - Các ông phải họp đại chúng, dựa theo "Bảy điều hòa giải các cuộc tố cáo, tranh tụng" được đúc kết tại Kỳ Viên để hành xử vụ việc. Ông Ānanda còn thuộc lòng đấy, hãy tuyên đọc lại. Ông Upāli cũng phải ghi nhớ cho chính xác. Rồi sau đó, các vị đưa ra những học giới chế định về các tội trạng này, cùng các tội tương tợ, cũng đã phải lúc, phải thời cho học chúng Tăng ni các nơi noi theo. Vậy là tội cáo gian lần thứ hai này, nhóm tỳ-khưu Mettiya và Bhummajakā bị trách phạt nặng nề hơn, là bị nhốt kín trong phòng, không cho ai giao tiếp (như bị tù); thức ăn, vật uống có chúng sa-di mang đến, đều chỉ là vật thực để tồn tại, chẳng có ngon bổ gì. Hơn hai mươi ngày sau, "ra khỏi tù", các vị trưởng lão tổ chức một cuộc lễ, có hai vị luật sư tụng tuyên ngôn để bọn chúng có cơ hội thấy rõ tội rồi sám hối trước tăng, sám hối trước đại đức Dabba Mallaputta.

132 Một Cuộc Đời Một Vầng Nhật Nguyệt

Tám Trợờng Hợp "Öp Bát"

Tưởng là yên, ai ngờ chúng còn quậy phá nữa. Lần này, chúng đến nhà một gia chủ giàu có, tên là Vaḍḍha, gốc dòng dõi Licchavī nên được gọi là Vaḍḍha Licchavī, ông ta thường hộ độ chư tăng Trúc Lâm. Chúng dùng lời xảo trá, ton hót, dựng đứng chuyện này, chuyện kia hầu lung lạc, thuyết phục vị cư sĩ có máu mặt này đứng về một phe của mình. Chúng kể là thường bị đại đức Dabba hạ nhục, phỉ báng, bức hiếp họ đủ điều nên chuyện ẩm thực, chỗ ngủ nghỉ chẳng khác gì chuồng gia súc. Dabba còn có giới hạnh, đạo đức lôi thôi nhưng do nhờ hắn ta biết cung phụng, hầu hạ chư vị trưởng lão nên luôn được họ bảo vệ, không những không trách phạt mà còn khen ngợi nữa. Gia chủ Vaḍḍha Licchavī tâm tánh nông nổi, hời hợt, lại cả tin nên đã bất bình, giận dữ tìm đến Veḷuvana, chỉ tay vào mặt đại đức Dabba mà mắng nhiếc đủ điều, tố cáo ngài không có đạo đức, không có giới hạnh, thường hay ton hót, nịnh bợ các vị trưởng lão. Ông ta còn trách chư vị trưởng lão bịt mắt làm ngơ mặc dầu "dông bão đã nổi lên ở đây rồi!" Không ai hiểu chuyện gì cả! Đại đức Dabba cũng thầm lặng lắng nghe lời vu khống, phỉ báng ấy, và tự tâm ngài biết

Minh Đức Triều Tâm Ảnh 133

rõ, đây chính là dư nghiệp từ quá khứ còn sót lại, phải kham nhẫn, phải an trú tâm từ, tâm xả. Còn chư vị trưởng lão lại trình việc ấy lên đức Thế Tôn, và ai cũng xác nhận sự thật bằng mắt thấy, tai nghe là đại đức Dabba trong trắng như vỏ ốc, ngài vô tội! Tôn giả Ānada thì vô cùng bất bình: - Không đâu, vô duyên, vô cớ mà đại đức "nhất chỉ thần thông vi diệu" của chúng ta đã bị ông cư sĩ kia chỉ trích, nhiếc mắng quá đáng... Đức

Phật mỉm cười, nói rằng: - Không phải vô duyên vô cớ đâu! Hoặc vô duyên vô cớ chỉ là một phát ngôn bình thường! Ai trong chư vị biết rằng, vào thời đức Phật Vipassī, tiền thân Dabba là một cư sĩ trưởng giả, đã nhiếc mắng một bậc thánh lậu tận. Còn một nghiệp xấu tệ khác nữa, là trong buổi cúng dường lớn có đầy đủ đức Chánh Đẳng Giác Vipassī và chư tăng, đích thân vị trưởng giả lại rút tên, loại bỏ vị thánh Thanh Văn kia ra khỏi danh sách cúng dường! Duyên là vậy, cớ là như vậy đó. Nhóm tỳ-khưu Mettiya và Bhummajakā bây giờ chúng xảo trá hơn, giấu mặt bên sau để ông cư sĩ kia chịu trận. Chư vị trưởng lão hãy nêu sự việc, tội danh ra trước hội đồng để xử phạt chúng một lượt nữa; nếu cứ mãi cứng đầu cứng cổ, không chịu thay tâm đổi tánh thì ra điều luật chế định trục xuất khỏi Tăng đoàn, không châm chước được nữa. Chiều hôm sau, thì giờ rảnh rỗi, nhân chuyện người gia chủ nhiếc mắng tỳ-khưu Dabba Mallaputta, đức Phật giảng nói rộng rãi hơn về những nội dung tương tợ cho đại chúng nghe. Đức Phật nói: - Giáo pháp chư Chánh Đẳng Giác nào trong quá khứ cũng có phát sanh những trường hợp, do ai đó trong hai hàng cận sự nam nữ còn nhiều bụi rác trong mắt mà xâm phạm họa hại đến Tăng chúng, nên các ngài có chế định 134 Một Cuộc Đời Một Vầng Nhật Nguyệt

những hình thức xử phạt tương thích để đối trị. Có tám trường hợp cả thảy, chư tăng sẽ tụng tuyên ngôn, với ý nghĩa rằng, từ rày về sau không còn nhận sự cúng dường của vị gia chủ ấy, thí chủ ấy nữa, cụ thể là khi thí chủ ấy, gia chủ ấy ra đặt bát, chư tăng im lặng không nói gì, chỉ "úp bát" lại, không thọ nhận rồi bước sang nhà khác. Hình thức "úp bát" đối với gia chủ là hình phạt nặng nhất dành cho cận sự nam nữ khi họ xúc phạm, xâm hại đến chư tăng một cách quá đáng. Thứ nhất, vị cư sĩ nào, do ghét một vị sư nào, đây là trường hợp một vị tỳ-khưu có giới hạnh - đã cố gắng, nỗ lực tìm mọi cách, mọi phương tiện để cho vị tỳ-khưu kia không có thức ăn, vật uống, thuốc men, nhu dụng hằng ngày. Thứ hai, tương tợ như trên, nhưng ở đây là tìm cách ngăn chặn, nói xấu, nói khéo thế nào đó để cho vị tỳ-khưu chân chính mất những lợi ích, lợi lạc về tu tập, về giáo pháp, về đời sống vật chất cũng như tinh thần. Thứ ba, là cố gắng, nỗ lực, tìm cách này hay cách khác để cho vị tỳ-khưu chân chính không có trú xứ, không có nơi ngụ cư hay không có cả chỗ ngủ nghỉ. Thứ tư là nhiếc mắng, nhục mạ hoặc tìm cách, cố gắng, nỗ lực nói xấu vị tỳ-khưu để hạ thấp tư cách, phẩm giá vị tỳ- khưu ấy. Thứ năm là cố tìm cách nói ly gián hầu chia rẽ vị tỳ- khưu này với vị tỳ-khưu khác. Cuối cùng, thứ sáu, bảy, tám là vị cư sĩ nào đó đã dùng lời nói, hành động để phỉ báng, nhục mạ đức Phật, đức Pháp, đức Tăng. Trong cả tám trường hợp ấy, do tăng biết rõ nên đã triệu tập một hội đồng, công bố sự thật, tụng tuyên ngôn trước đại chúng thì toàn thể chư tăng sẽ "úp bát" để trừng phạt gia chủ ấy.

Minh Đức Triều Tâm Ảnh 135

Sau khi đức Phật thuyết giảng xong, chư vị trưởng lão biết mình phải làm gì. Đây cũng là một trường hợp điển hình nên xử lý để làm gương. Trường hợp gia chủ Vaḍḍha Licchavī nhiếc mắng, phỉ báng, bôi nhọ tư cách, phẩm hạnh của đại đức Dabba Mallaputta rơi vào trường hợp thứ tư nên chư vị trưởng lão cho họp hội đồng, tụng tuyên ngôn, bố cáo rộng rãi là từ rày về sau, chư tăng chùa Trúc Lâm sẽ "úp bát" đối

với gia chủ Vaḍḍha Licchavī. Sáng sớm hôm sau, tôn giả Ānanda nhận nhiệm vụ thông báo cho gia chủ, nên ngài đã y bát chỉnh tề, đến tư gia nói rõ sự thật mà tăng đã hành xử theo pháp và luật cho cư sĩ Vaḍḍha Licchavī hay. Rồi giải thích thêm rằng: Chư tăng tuyến bố hình thức "úp bát" đối với hai hàng cận sự nam nữ được xem như hình phạt mà quý ngài không muốn nói ra, là từ rày về sau, gia chủ không còn được thọ hưởng hạnh phúc cúng dường đến chư tăng Trúc Lâm nữa. Khi tôn giả Ānanda vừa rời chân đi khỏi cửa, cư sĩ Vaḍḍha Licchavī khi chợt hiểu rõ ý nghĩa của hai từ "úp bát" thì choáng váng mặt mày, ngất xỉu rồi ngã xuống ngay tại chỗ. Sau đó, bạn bè thân hữu, bà con ruột thịt đã tìm cách phân ưu, khuyên giải rằng: - Than van, rên rỉ gì cái gì nữa? Hãy tỉnh táo mà suy nghĩ đến cái điều gì nghiêm trọng hơn. Chư tăng ai cũng "úp bát" cái ngôi nhà này thì thần phước đức, thần hoan hỷ họ cũng bỏ mà đi luôn đó! Bây giờ, hãy tẩm ướt cả đầu tóc, cả khăn áo, cùng vợ cùng con cùng gia quyến đến bên chân đức Thế Tôn, quỳ phục mà sám hối! Hãy thành thật nhận lỗi lầm vì ngu, vì dại, vì si mê và vì cả tin đã nghe lời xúi giục của mấy ông sư tồi tệ kia mà sinh ra cớ sự. Đức Thế Tôn và chư vị trưởng lão bao giờ cũng với cái tâm rộng lớn như hư không, như biển cả sẽ tha thứ cho ông ngay! 136 Một Cuộc Đời Một Vầng Nhật Nguyệt

Gia chủ Vaḍḍha Licchavī nghe được lời khuyên chơn chánh, đúng đắn ấy nên đã nhất nhất làm đúng như vậy. Đức Thế Tôn hoan hỷ xá tội, nói một vài pháp thoại, nhắc nhở người gia chủ từ rày về sau, đừng nên tin một cái gì, một điều gì mà mình chưa như thực thấy, chưa như thực nghe. Cuối cùng, đức Phật dạy chư vị trưởng lão, họp hội chúng, tụng tuyên ngôn "mở bát" đối với gia chủ Vaḍḍha Licchavī khi ông ta đã thành tâm sám hối, cải hối rồi. Sau vụ việc này, tu viện Veḷuvana mới lấy lại môi trường sinh hoạt yên lặng và ổn định.

(Năm 576 trọớc TL)

138 Một Cuộc Đời Một Vầng Nhật Nguyệt

Kệ Thơ Cảm Xúc Của Một Thi Sĩ

Sau mùa mưa năm thứ mười một, rất nhiều vị tôn túc trưởng lão từ nhiều phương đến hầu Phật tại Trúc Lâm. Nhưng ngài thì lại đi luôn, lúc phương này, mai phương khác, thỉnh thoảng trở lại làng Ekanāḷā gần núi Dakkhiṇāgiri để giáo hóa học chúng ở đấy. Đầu tháng nắng nóng, đức Phật trở lại Trúc Lâm thì thấy dường như có mặt gần đủ các vị trưởng lão. Nhân tiện ấy, đức Phật yêu cầu chư trưởng lão họp bàn để đúc kết lại một số học giới được chế định tại Kosambī, Jatavana và thời gian vừa qua tại Veḷuvana. Công việc này chỉ cần ba hôm là xong - nhưng do chư vị trưởng lão như hai vị đại đệ tử, Mahā Kassapa, Upāli, Ānanda phải đọc tụng nhiều lần cho nhiều nhóm học chúng nên phải kéo dài cả tuần lễ. Chiều hôm đó, đột ngột tôn giả Aññā-Koṇḍañña từ hồ Mandākinī(1) tại Himalaya tìm về đảnh lễ đức Thế Tôn. Sau khi đảnh lễ, tôn giả còn cúi xuống dùng miệng hôn bàn chân đức Thế Tôn, dùng tay xoa bóp chân ngài, rồi phủ phục tâu rằng:

(1) Tại Himalaya có 6 hồ lớn: Anotatta, Sīhapapātā, Rathakārā, Kaṇṇamuṇḍa, Kunālā, Chanddantā.

- Bạch đức Thế Tôn! Đệ tử là Aññā-Koṇḍañña! Bạch đức Thế Tôn! Đệ tử là Aññā-Koṇḍañña! Đệ tử thọ phần đã mãn, xin đức Thế Tôn cho phép đệ tử được nhập diệt. Đức Phật yên lặng một lát rồi hỏi: - Vậy thì ông sẽ xả bỏ ngũ uẩn ở đâu, này Aññā-Koṇḍañña? - Ở hồ Mandākinī, Himalaya, bạch đức Tôn Sư! Đại chúng lặng người. Tôn giả là bậc tôn túc trưởng lão, là người đắc quả A-la-hán đầu tiên trong giáo pháp của đức Phật. Tôn giả là vị bà-la-môn trẻ tuổi nhất trong tám vị bà- la-môn uyên bác đoán tướng cho thái tử thuở ngài vừa đản sinh được năm ngày. Ai cũng đưa lên hai ngón tay, ý nói, với ba mươi hai tướng quý của bậc đại nhân, thái tử sau này sẽ chọn lựa hai con đường, nếu xuất gia thì đắc quả Phật, nếu ở tại gia, làm vua, sẽ trở thành bậc Chuyển luân Thánh vương. Riêng bà-la-môn trẻ, thông thái, chừng hai mươi lăm tuổi là Koṇḍañña, đưa lên một ngón tay, và khẳng định rằng, thái tử chỉ đi theo một con đường, là sẽ xuất gia và đắc quả Chánh Đẳng Giác. Thế rồi, khi thái tử vừa chớm có ý định xuất gia - thì trong giới bà-la-môn ở kinh thành, có xôn xao tin đồn, Koṇḍañña đã rủ bốn người con của bảy vị bà-la-môn năm xưa đi xuất gia, tập sống đời phong sương khổ hạnh để sau này gặp lại thái tử. Đấy là Vappa, Assaji, Mahānāma, Bhaddiya. Như vậy, khi Phật thành đạo, Chuyển Pháp Luân tại Vườn Nai thì Koṇḍañña đã sáu mươi tuổi. Và tôn giả là người đắc quả A-la-hán đầu tiên, được chư thiên tán thán vang động gọi là Aññā-Koṇḍañña (A-nhã Kiều Trần Như)(1). Vào hạ thứ hai của đức Phật, chính tôn giả về tìm gặp chị gái Mantānī của mình, thuyết phục bà cho đứa cháu trai là

(1) Đây là ghi theo tạng Luật. Còn tạng Kinh Miến hay tạng Kinh Tích Lan đều ghi là Aññāsi Koṇḍañña.

Puṇṇa, con của bà xuất gia theo Phật tại Trúc Lâm. Và chính tôn giả đã đích thân trao giới và hướng dẫn Puṇṇa tu tập đắc quả vị A-la-hán cùng với thắng trí, biện tài, được đức Phật tán dương trước hội chúng là “Đệ nhất thuyết pháp” trong hàng Thanh Văn. Không bao lâu sau, tỳ-khưu Puṇṇa trẻ tuổi này đã thu phục, giáo giới năm trăm tỳ-khưu và hội chúng này luôn sống trong rừng, ai ai cũng tán thán ca ngợi về hạnh viễn ly, thiểu dục, thiền định. Tất cả đấy là nhờ công lao nhũ mẫu của tôn giả Koṇḍañña cả. Sau đấy, tôn giả thường ẩn cư ở Himalaya, suốt mười hai năm, tại hồ Mandākinī, lâu lâu mới về thăm đức Phật một lần, lâu lâu nhận một trách nhiệm nào đó do đức Phật giao phó; xong bổn phận, ngài lại về rừng. Đức hạnh sáng rỡ như mặt trăng. Tôn giả sống ở đây được chư thiên trong vùng vô cùng kính trọng, ngưỡng mộ. Có con voi chúa Chaddanta luôn luôn ở bên cạnh phục dịch, hầu hạ, kể cả cúng dường các loại trái cây. Lại có thiên tử Nāgadatta hết lòng hộ độ các nhu yếu khác... Vậy là tin tức tôn giả Koṇḍañña xin nhập diệt được xôn xao bàn tán khắp mọi nơi, nhất là hai giới xuất gia và tại gia. Ai ai cũng cung kính, ngưỡng mộ, tiếc rẻ, cảm thán một bậc tôn túc đã ra đi, giáo hội đã mất đi một gốc cổ thụ tàn cao bóng cả. Chiều tối hôm đó, đức Phật thuyết một thời pháp trước một hội chúng đông người chưa từng có, nói về công hạnh thù thắng của tôn giả, nói về nhân duyên nhiệm mầu khi tôn giả quy tụ bốn người con trai của bảy vị bà-la-môn xuất gia sống đời đạo sĩ để chờ gặp Phật, nói về lẽ

sinh diệt, nói về sự xả bỏ ngũ uẩn không còn dư tàn của một vị A-la-hán, nói về hạnh phúc vẹn toàn của bậc đã diệt tận mọi khổ đau... Cuối thời pháp, bất ngờ nhất, tỳ-khưu Vaṅgīsa bước ra đảnh lễ đức Phật để xin đọc một bài kệ thơ để tán thán công hạnh của tôn giả Aññā-Koṇḍaññā. Minh Đức Triều Tâm Ảnh 141

Đức Phật hỷ xả gật đầu:

- Ừ, đọc đi, này ông thi sĩ!

Thế rồi, tỳ-khưu Vaṅgīsa ưỡn thẳng lưng dậy, con ngươi như có hai đốm sáng long lanh, ngước mắt lên cao rồi đảo quanh hội chúng một vòng; ông ta lấy hơi, sau đó, không biết ngôn ngữ chữ nghĩa ở đâu đó tự động trào vọt ra, trôi chảy như sông như suối:

"- Ôi! Tôn giả Koṇḍaññā ơi!

Tôn giả Koṇḍaññā ơi!

Thế là gốc đại thụ cao xanh sắp đổ rồi!

Thế là một ngôi sao tắt lịm giữa lưng trời!

Ôi! Núi nghiêng, đất sụp

Băng vỡ, tuyết tan

Hoa tàn, nguyệt khuyết!

Bởi ngọn lửa vô thường

Bởi sắc thân sinh diệt!

Nhớ tôn giả xưa,

Tuổi trẻ tài cao

Tinh minh thánh triết

Ba đãy Vệ-đà

Nổi danh thần đồng xem tướng

Một ngón tay đưa lên,

Thái tử mai sau thành Phật

Nên đợi chờ ngài gióng pháp chuyển luân

Đạo sĩ năm ông, khổ hạnh tinh cần

Với quyết chí nêu gương bồ-tát

Tại Vườn Nai, trang nghiêm thính pháp

Phật ngợi khen,

Aññā-Koṇḍaññā

Chứng ngộ đầu tiên

Aññā-Koṇḍaññā

Thoát khổ, thoát triền

Người trời tán dương

Tôn xưng, trân trọng

Rồi từ đấy

Sống đời thiêng liêng phạm hạnh
Quan sát thế gian, cứu độ tùy duyên
Mây trắng qua sông
Hành hóa khắp miền
Lúc rỗi việc, ẩn cư núi chúa
Có thớt tượng Chaddanta
Cúng dường trái quả
Có thiên tử Nāgadatta hầu hạ chu toàn
Hồ mẹ Mandākinī nước ngọt trong lành
Phô năm sắc
Súng sen hương thơm ngát
Mười hai năm non cao,
Biết thọ phần đã hết
Về Trúc Lâm phụng bái đức Tôn Sư
Hôn bàn chân ngàn căm của ngài,
Im lặng giã từ
Im lặng pháp
Im lặng tâm
Im lặng hư không
Để đi đến cõi vô sanh bất diệt
Có tam giải thoát môn(1) thênh thang rộng mở!
Ôi! Đệ tử là kẻ vô văn phàm phu
Cảm thương mà trào lệ
Giọt nước sương trời
Rơi đọng giọt bi ai
Ôi! Lẽ tử sinh
Khó kham nhẫn kiếp người
Xin đảnh lễ gót chân tôn giả
(1) Không, vô tướng, vô tác.

Minh Đức Triều Tâm Ảnh 143

Đệ tử là Vaṅgīsa Với nỗi niềm băng giá Ứng tác ngôn lời Vụng về đưa tiễn Xin đức Tôn Sư minh giám Xin chư tăng minh giám! Đọc xong bài kệ thơ, đi liền với cảm xúc của mình, nước mắt tỳ-khưu Vaṅgīsa tuôn chảy lặng lẽ. Rất đông người trong hội chúng còn phàm, đâu đó cũng nức nở khóc theo. Đức Phật xóa tan không khí bi thương ấy, ngài nói: - Thôi vừa rồi! Thôi đủ rồi! Để còn thời gian cho Aññа- Koṇḍaññа trở về trú xứ. Hôm ấy, sau khi tôn giả Koṇḍaññа dùng thần thông lực trở lại Himalaya thì tôn giả Anuruddha cũng xin phép đức Phật, dẫn năm trăm vị tỳ-khưu có thần thông, như đàn chim ưng vàng, vút qua hư không có mặt ngay tức khắc tại hồ mẹ Mandākinī. Trên một tảng đá cạnh bờ hồ, tôn giả Koṇḍaññа tọa thiền, lên xuống các định như thông lệ của

chư vị A-la-hán, lên lại tứ thiền rồi chấm dứt thọ hành, đi vào vĩnh cửu. Chư thiên, thọ thần, muông thú khóc lóc thảm thiết. Khi nhục thân được hỏa táng, ai ai cũng lạ lùng, chiêm ngưỡng một đàn voi quỳ xung quanh lặng lẽ, con nào cũng đội hoa, trái quả hoặc cây lá lên đầu. Thiên tử Nāgadatta hóa hiện thành thân người, dẫn đầu một đoàn thiên chúng đến bên nhục thân, ai cũng cung kính chấp tay vái chào, sau đó, đặt vào giàn hỏa một lõi trầm hương của cõi trời, thơm đến tận mây xanh! Năm trăm vị tỳ-khưu âm giọng như sóng biển tụng đọc kệ vô thường, vô ngã. Trong lúc ấy thì tại Vương Xá, đức vua Bimbisāra cùng các phú hộ, gia chủ cư sĩ hay tin hùn nhau, cấp tốc làm một

ngôi bảo tháp bằng bạc ở bên sau Trúc Lâm tịnh xá. Khi xá- lợi được tôn giả Anuruddha cùng năm trăm tỳ-khưu gói trong tấm vải lọc nước mang về, đức vua Bimbisāra dâng cúng một bình nhỏ bằng vàng. Đến ngày, chính đức Phật tận tay đặt bình vàng đựng xá-lợi vào trong bảo tháp(1), tôn trí ở đấy để hai hàng cư sĩ trầm hoa lễ bái, phụng thờ.

(1) Thế kỷ thứ sáu, sau Tây lịch, ngài Buddhagosa có đến đây, ngài bảo là cái tháp bạc ấy vẫn còn.

Lại Ra Đi, Đến Khu Rừng Nimba

Sau lễ tôn trí xá-lợi tôn giả Koṇḍañña vào tháp bạc, được mấy hôm, đức vua Bimbisāra, hoàng hậu Videhi và một số quan đại thần đến thăm viếng đức Thế Tôn. Cũng như đồng thời, một số đại gia chủ, trưởng giả trong kinh thành cũng tìm đến Trúc Lâm để nghe pháp, cúng dường... Ông thần y Jīvaka Komārabhacca vừa công cán từ Vesāli về, người đang còn đầy bụi đường cũng hối hả đến đảnh lễ bảo tháp, sau đó đến vấn an sức khỏe của đức Thế Tôn. Đức Phật thuyết một vài pháp thoại khác với thường lệ, ngài nhấn mạnh về lẽ vô thường của chư pháp, cái sinh tử tất định của các loài hữu tình. Sau đó, đức Thế Tôn tán thán công đức của hai hàng cận sự về việc xây dựng bảo tháp để phụng thờ xá-lợi của chư vị A-la-hán tịch diệt. Trong hội chúng hôm đó có người hỏi, trên thế gian này, ai là người xứng đáng được xây dựng bảo tháp? Đức Phật đã cặn kẽ nêu dẫn truyền thống chư Phật quá khứ cũng như lịch sử lâu đời của châu Diêm-phù-đề - thì chỉ có đức Chánh Đẳng Giác, Độc Giác, chư vị A-la-hán và vua Chuyển luân

Thánh vương mới hội đủ công đức phước báu để thế gian xây dựng bảo tháp phụng thờ, lễ bái. Cuối buổi pháp thoại, chợt thần y Jīvaka trình bày một việc hơi lạc đề nhưng đáng quan tâm: - Tôn giả Aññā-Koṇḍañña hơn mười năm ẩn cư tại Himalaya, đến lúc tuổi già, thọ phần đã mãn mà trông sức khỏe, vóc dáng vẫn khang kiện, không ốm đau, bệnh tật gì, đấy là do nước ngọt trong lành, không khí trong lành, cây trái trong lành. Tại Vesāli cũng như các thành phố lớn của Vajjī, Mithilā đều không có được môi trường

tốt lành như vậy! Lại nữa, lúc này đời sống vật chất tăng thịnh, do đó, chư tăng được thí chủ dâng cúng vật thực thượng vị hằng ngày. Điều này lại phát sanh vấn đề là chư tăng quá nhiều vị bị bệnh, nhiều chứng bệnh khác nhau nhưng phổ biến nhất là tháo dạ(1) và một số bệnh thuộc về khí huyết. Ngoài một số thuốc mà đệ tử sẽ chế biến để sử dụng cho chư tăng, xin đức Thế Tôn y chuẩn cho mấy điều, nhờ vậy, ngăn ngừa phần nào một số chứng bệnh tương quan phát sanh. - Ừ, ông cứ nói! - Quanh cốc liêu của chư tăng phải cho làm đường đi kinh hành, sạch sẽ, cao ráo, bề ngang chỉ cần một hắc tay hoặc rộng hơn một tí, bề dài chừng năm bảy đòn gánh cũng được; và nó được xem như là một thiết kế đồng bộ với cốc liêu. Có đường kinh hành này, chư vị đi lui đi tới thư giãn, hít thở, niệm tưởng hoặc an trú đề mục gì cũng được... thì loại trừ rất nhiều thứ bệnh. - Đúng vậy! Cốc liêu của Như Lai và chư vị trưởng lão có đường kinh hành này nhưng nó chưa phổ cập đi các nơi. Rồi Như Lai sẽ nhắc nhở. Thêm một chút nữa, là nếu mùa mưa thì cho phép làm đường kinh hành có mái che!

(1) Ỉa chảy.

- Tâu vâng! Cái thứ hai, đệ tử thiết nghĩ là rất cần thiết nhưng không biết có thực hiện được không! - Ông cứ nói! - Những thành phố cổ xưa của những nền văn minh cổ, thành phố nào cũng có những nhà tắm hơi công cộng. Hiện nay chỉ còn duy trì trong các cung đình, giới quý tộc, đại phú gia, đại phú thương. Nếu được tắm hơi, không kể mùa mưa hay mùa nắng, nó sẽ loại trừ một số căn bệnh khác nữa. Đức Thế Tôn, chư vị trưởng lão tôn túc nên sử dụng phòng tắm hơi để duy trì sức khỏe vì hạnh phúc cho chư thiên và loài người. Đức Phật nói: - Yêu cầu này hoàn toàn đúng đắn nhưng không thể đem ra thực hiện khắp các tăng xá, trú xá được. Tại sao vậy? Tại vì nó có phù hợp với đời sống một bát, ba y, tri túc và dị giản của chư tỳ-khưu không, hở Jīvaka? Rồi ngay những nhóm đệ tử của Mahā Kassapa, của ba anh em ông Kassapa thọ trì đầu-đà bậc thượng, bậc trung, bậc hạ, họ sẽ nghĩ như thế nào về đời sống chư tăng tại các đại tịnh xá lại có nhà tắm hơi, này Jīvaka, ông hãy nói đi! Jīvaka cúi đầu: - Tâu, quả thật vậy! Chợt, đức Phật lại mỉm cười: - Tuy nhiên, này Jīvaka! Một vài nơi ở đâu đó, có thể thiết kế phòng tắm hơi bên cạnh bệnh xá để dành cho bệnh nhân thì có thể được. Việc trở nên dễ dàng là hội chúng thính pháp hôm đó ai cũng sẵn lòng cúng dường tài vật nên tại Rājagaha, tất thảy mọi cốc liêu của tăng ni đều có đường kinh hành và nơi nào có bệnh xá thì nơi ấy có phòng tắm hơi. Thấy đã xong việc, đức Phật và một hội chúng năm trăm tỳ-khưu lại lên đường hành hóa. Lần này, tỳ-khưu Meghiya,

thuộc dòng Sakyā, có vẻ có ý tứ, ngăn nắp, cẩn thận được chư vị trưởng lão đề cử làm thị giả cho đức Phật. Chư trưởng lão tôn túc có đệ tử bên mình và khắp các nơi cũng cất cánh thiên di. Chư tỳ-khưu chân cứng, cánh mềm cũng theo gió ta-bà mà mười phương du hóa. Rốt lại, đại tịnh xá Trúc Lâm vừa đông đúc là thế mà chỉ còn chừng năm bảy trăm vị duy trì sinh hoạt. Đức Phật và hội chúng hướng chênh phía tây bắc, cứ phía nam sông Gaṅgā mà đi. Thấy bên cạnh đức Phật có mặt nhiều vị trưởng lão, lại có

Mahā Moggallāna, Ānanda, Nanda, Rāhula, thị giả Meghiya - nên tôn giả Sāriputta xin được về thăm quê nhà cũng ở gần đây. Đức Phật mỉm cười, nhẹ gật đầu, vì ngài biết ông ta luôn tìm cách để hóa độ cha mẹ cũng như những em trai và em gái ở quê nhà. Cứ ngày đi, đêm nghỉ, hôm kia hội chúng dừng chân tại một khu rừng xanh tươi mát mẻ vô cùng. Đức Phật chợt hỏi: - Đây là nơi nào? Chỗ này Như Lai chưa hề đi qua một lần nào! - Khu rừng này tên là Naḷeru! Một vị tỳ-khưu người quê ở gần đây rành rẽ nói - Vì toàn là cây Pucimanda nên còn được gọi là Naḷerupucimanda; dân địa phương thì gọi nôm na là cây nimba(1), nó xanh tốt quanh năm, lá nó đắng chát, thân gỗ thì cứng như sắt nguội, bạch đức Thế Tôn! Thấy đức Phật đưa mắt ngắm nhìn toàn cảnh khu rừng, biết ý, vị tỳ-khưu kia nói tiếp: - Quanh đây đều là những thôn làng trù phú. Sầm uất nhất là thị trấn Verañjā. Vậy hội chúng năm trăm vị có thể an cư mùa mưa ở đây mà không ngại thiếu thốn, bạch đức Thế Tôn! Thấy đức Phật vẫn im lặng như đang trú định, vị tỳkhưu kia cứ hồn nhiên, vui vẻ nói: (1) Rất gần giống với cây “sầu đông?”

Minh Đức Triều Tâm Ảnh 149

- Rừng này là chỗ cuối cùng của biên giới nước Māgadha, trước mắt, qua con sông kia đã là lãnh thổ của Kāsi, có thể đạp lên Soreyya, Saṅkassa... Bên trái chúng ta, đi mãi sẽ tới Payāgatittha có đoạn sông rất cạn có thể lội qua - và bên kia đã là Bārāṇasī rồi. Đức Thế Tôn tùy nghi đi phương nào cũng được. Đức Phật gật đầu: - Giáo pháp của Như Lai có nhân, có duyên với mọi người ở vùng nầy! Vậy, này Mahā Moggallāna! Ông hãy thông báo cho toàn thể tăng chúng biết ý định của Như Lai là như vậy. Chúng ta sẽ dừng chân ở đây một thời gian. Chợt đức Phật yên lặng, nhắm mắt một lát rồi nhìn ra xa, tự nghĩ: “- Kể từ thời đức Phật Nhiên Đăng (Dīpaṅkara) đến đức Phật Phussa là mười tám đức Chánh Đẳng Giác. Kể từ thời của ta đến đức Phật Phussa tuy chỉ bảy vị Phật nhưng phải trải qua thời gian lâu xa đến chín mươi hai đại kiếp. Thuở ấy, ta là một chàng trai thanh niên thường hay giao du với bạn bè xấu ác; khi thấy đức Phật Phussa được các giới cấp quyền quý dâng cúng vật thực thượng vị, đã khởi tâm không tốt, nhiếc mắng rằng: „Mấy ông thầy tu nầy xứng đáng ăn gạo có vỏ, hạt thóc lép, không xứng đáng ăn gạo sāli trong ngần quý báu như thế!‟ Ôi! Chỉ với cái ác kiến ấy thôi mà ta đã phải nhận chịu biết bao khổ nghiệp. Nay ta đã chấm dứt lậu hoặc, kiết sử rồi, nhưng xem chừng phải ăn gạo có vỏ, hạt thóc lép trong thời gian ở khu rừng cây nimba này là nghiệp còn dư sót đó! Chuyện xưa ấy, nhân và duyên ấy chưa nên nói rõ cho đại chúng biết vội”.

150 Một Cuộc Đời Một Vầng Nhật Nguyệt

Quả Là Vô Vị, Vô Ích, Vô Dụng!

Sớm hôm sau, đức Phật và hội chúng rời khu rừng, phân bố rải rác trong thị trấn Verañjā và các thôn làng để trì bình khất thực. Vào buổi chiều, chư tăng phụ nhau tìm cách che chắn chỗ ở cho đức Phật dưới cội cây nimba hùng vĩ nhất; và riêng mỗi vị cùng kiếm tìm trú xứ rải rác trong rừng cây; sau đó, quét dọn sạch sẽ chỗ tĩnh cư và các lối đi kinh hành. Một số vị lại đi tìm những mương, khe, suối nước. Tuy nhiên, chỉ buổi chiều thứ hai, thứ ba, nhân dân lao động trong vùng hay biết, họ đã tự nguyện

mang rựa rìu, cuốc xẻng tìm đến phụ giúp việc này, việc kia. Thế là những nơi vệ sinh tiêu tiểu được hình thành. Họ còn biếu tặng một số lu ghè đựng nước. Do ngại sắp đến mùa mưa, nhân dân còn đi sâu trong rừng kiếm cây, kiếm lá để làm những tấm che lợp ngăn mưa... Thị giả Meghiya và Rāhula ngày nào cũng sửa sang, chăm lo chỗ này chỗ kia chung quanh cội đại thụ nimba cho tươm tất, sạch đẹp, là chỗ đức Thế Tôn nghỉ, tọa thiền hoặc kinh hành. Tuy nhiên, nhìn chung, "tiện nghi" trong rừng như vậy là tốt nhất rồi. Và đời sống ấy quả thật là đơn giản như hươu

nai trong rừng, chẳng phiền ai mà cũng chẳng có ai làm phiền họ. Chỉ vài ba hôm, cả một vùng dân cư, nhất là giới bà-la- môn gia chủ đã xôn xao, bàn tán về sự có mặt của đức Phật và chư đệ tử của ngài. Dân chúng thì hân hoan đặt bát cúng dường còn giới bà-la-môn thì nghi kỵ, lắng nghe, thăm dò. - Có phải sa-môn Gotama là một vị Phật, một vị đại A- la-hán thật sự chăng? - Nghe nói ông ta vô lễ, ngã mạn lắm! Ông ta chẳng thèm thưa gởi, chào hỏi bất cứ ai, chứ đừng nói đứng dậy, tiếp rước... - Nghe nói giáo pháp của vị ấy đi ngược với sự sống, với chủ thuyết bất hành động gì đó, chưa biết hư thực ra sao! Bà-la-môn Udaya(1) là một gia chủ giàu có, học thức và uy tín tại thị trấn Verañjā, ghi nhận tất thảy sự bàn tán của mọi người, và ông quyết một lần gặp mặt. Hôm kia, thu xếp xong công việc, ông cùng với một số thân hữu và gia nhân lên xe đến khu rừng cây nimba để diện kiến đức Thế Tôn. Sau khi chào hỏi xã giao, tìm ngồi nơi phải lẽ, bà-la-môn Udaya vào đề ngay: - Thưa sa-môn Gotama! Người ta đồn đãi sao thì đúng vậy. Quả là sa-môn Gotama không thèm đứng dậy, không thèm mời chỗ ngồi cao hơn, không thèm mở lời cung đón, tiếp rước những bà-la-môn trưởng thượng, niên cao vào hàng cha chú. Và khi tôi tới đây, sự thực sao thì nó đúng như thế, chẳng phải ngoa truyền, chẳng phải hư truyền. Đức Phật gật đầu: - Này Udaya-Verañjā! Không phải chỉ có một Như Lai mà chư Phật ba đời đều như thế. Tất thảy chư Phật ba đời

(1) Tên vị bà-la-môn này ở tại thị trấn Verañjā - nên kinh sách thường gọi là bà-la-môn Verañjā.

đều không đứng dậy, không mời chỗ ngồi cao hơn, không mở lời cung đón, tiếp rước bất cứ ai trong tam giới. - Tại sao vậy, thưa sa-môn Gotama? - Vì tất thảy chư thiên, nhân loại, sa-môn, bà-la-môn, ma vương, phạm thiên, chẳng có ai có được một phần mười sáu giới đức, định đức, tuệ đức so với chư Chánh Đẳng Giác, này bà-la-môn gia chủ! Nhìn khuôn mặt sáng rỡ như mặt trời, mặt trăng, ngôn ngữ trôi chảy lưu loát, tự tin của đức Phật toát ra một từ lực thu hút bất khả cưỡng, bà-la-môn Udaya rùng mình và chợt cảm thấy như nhỏ bé quá trước con người kỳ lạ này. Im lặng một lát, ông hỏi tiếp: - Người ta nói rằng, sa-môn Gotama là một con người "vô vị", điều ấy phải được hiểu như thế nào? - Người ta nói không sai đâu, này gia chủ! Đức Phật mỉm cười - Những "cái vị" của sắc, thanh, hương, vị, xúc, Như Lai đã chặt đứt như thân cây thốt nốt cụt ngọn, không còn cái vị nào có thể nẩy mầm, nứt chồi được. Vậy, "vô vị" là đúng! Họ muốn chê trách Như Lai nhưng hóa ra là khen ngợi Như Lai đó, này gia chủ! -

Người ta còn nói sa-môn Gotama không đoàn kết, không thân thiện (sāmaggiya-rasa) với ai hết; nói cách khác, giáo pháp ấy không có vị đoàn kết, không có vị thân thiện nữa? - Cũng đúng thôi, này gia chủ! Giáo pháp của Như Lai không đoàn kết, không thân thiện với vô minh, tà kiến; không đoàn kết, không thân thiện với hận tâm, với sân tâm, với dục tâm, với hại tâm cùng hằng chục tâm sở xấu ác khác! - Người ta còn nói sa-môn Gotama chủ trương "vô ích, vô dụng" là nghĩa làm sao?

Minh Đức Triều Tâm Ảnh 153

- Họ lại nói đúng nữa! Không phải Như Lai chủ trương mà do Như Lai thấy như thực. Như Lai thấy như thực rằng: Sắc, thanh, hương, vị, xúc quả là vô ích, vô dụng (nibbhoga). Nếu không thấy biết như thế thì khi "thọ dụng" chúng sẽ sinh ra mê đắm, tham chấp như ruồi dính mủ mít, như chim dính bẫy nhựa thì cựa quậy, vùng vẫy thế nào cũng không thoát ra khỏi tai họa, đau khổ được, có phải vậy không, này gia chủ! - Thưa vâng, quả thật là thế! Quả thật là cách nói của sa- môn Gotama rất mới lạ, rất ấn tượng. Thế họ còn bảo sa- môn Gotama chủ trương vô hành động (akiriyavāda) nữa? Sao vậy? Tại sao vậy? Trên cuộc đời này có hành động mới có cơm ăn áo mặc, có hành động mới có làng mạc, phố thị, kinh đô... mới có nhân sinh và xã hội...? - Ừ! Như Lai có nói "không hành động" nhưng nguyên văn như thế này: Thân không làm (akiriya) ác, khẩu không làm ác, ý không làm ác, đơn giản thế thôi! Rồi khi một vị giải thoát trọn vẹn mọi phiền não, tâm vị ấy không còn lăng xăng tạo tác nữa thì được gọi là "vô hành" này gia chủ! Những câu hỏi sau đó của bà-la-môn gia chủ về tiêu diệt, cắt đứt (uccheda), về ghê tởm, chán ghét (jegucchī), về triệt tiêu, đoạn tận (venayika), về đốt cháy, thiêu hủy (tapassī)(1), về không tái sanh, vô sanh (apagabbha)... đều được đức Phật tuần tự trình bày, giải thích chu đáo tương tợ như thế. Ví dụ: Tiêu diệt, cắt đứt tham sân si; ghê tởm, chán ghét mọi ác niệm, bất thiện pháp; triệt tiêu, đoạn tận mọi lậu hoặc, kiết sử; đốt cháy, thiêu hủy mọi ưu bi, phiền não; không còn sanh trở lại những cảnh giới luân hồi, đau khổ nữa... Trước mắt người bà-la-môn gia chủ, như một màn mây đen vô tận được vén mở; giáo pháp thoát khổ, tiêu diệt khổ (1) Nghĩa chính: Nhiệt tình trong đời sống khổ hạnh; sa-môn, đạo sĩ ẩn dật...

đau, phiền não đã được đức Phật làm cho quang rạng, thông tỏ; mọi nghi nan, ngờ vực, mọi đơm đặt, thêu dệt, bóp méo, xuyên tạc qua cửa tai, cửa miệng của mọi người không còn lý do tồn tại. Ông như được thoát xác, đổi mới. Ông quỳ sụp xuống cạnh bàn chân đức Phật như thân cây đổ. Sau đó, ông xin được nương tựa Tam Bảo, làm một cận sự nam cho đến trọn đời rồi thỉnh đức Phật và tăng chúng an cư mùa mưa ở đây.

Minh Đức Triều Tâm Ảnh 155

Nạn Đói Tại Verañjā

Mấy hôm sau thì tôn giả Sāriputta từ làng Nālaka trở lại. Đức Phật ân cần hỏi thăm tình hình gia đình, và được biết rằng, bà-la-môn Vaṅganta và phu nhân của ông là bà Rūpasārī vẫn bất động, không lay chuyển tín ngưỡng của mình. Tuy nhiên, tôn giả Sāriputta cũng có một thành công nhỏ là thuyết phục được các em, trai và gái, và ai

cũng hứa, lúc thuận tiện, đủ duyên sẽ noi gương theo người anh trai tôn kính. Mùa an cư diễn ra bình thường. Lâu lâu, đức Phật thuyết một thời pháp. Các buổi khác thì hai vị đại đệ tử thay phiên nhau giảng giải kệ ngôn, phân tích câu cú, ngữ nghĩa cho sáng tỏ để học chúng dễ tiếp cận, thấy pháp mà tu tập. Được một tháng thì vật thực bắt đầu khó khăn do dịch bệnh và đói kém hoành hành. Bình bát của ai trở về cũng chỉ có vài củ sắn khoai đã mốc, teo tóp, cơm tấm siu, chua, gạo lứt còn lẫn vỏ, đôi khi chỉ là những hạt lúa lép. Trận đói lớn xẩy ra cả một vùng lớn rộng. Chính quyền phải mở kho, cứu đói cho dân nhưng cũng không thấm vào đâu. Đến lúc, họ phải phát cho dân những tấm thẻ để phân phối vật thực một cách chừng mực thì Đức Phật và chư tăng năm trăm vị lâm vào tình cảnh tồi tệ chưa từng có.

156 Một Cuộc Đời Một Vầng Nhật Nguyệt

Ông bà-la-môn Udaya-Verañjā mời thỉnh an cư cũng không thấy trở lại, cũng chưa hề hộ độ được một bữa nào! Nghe nói, khi về nhà, đột ngột nhận được một chuyến làm ăn xa, khi đi, ông quên bẵng lời hứa của mình, cũng không kịp dặn lại vợ con và gia nhân. Một số chư sư tuy chưa ta thán gì nhưng đã có tiếng thở vô thở ra, thở dài, thở ngắn. Những bước chân đi và về dường như đã không còn hơi sức. Ai cũng ốm, gầy trông thấy. Mấy hôm sau nữa thì ai cũng đói vàng mắt. Nhiều vị gan lì chỉ uống nước và hít thở khí trời, đặt hết thì giờ vào thiền định để qua cơn đói. Bữa nào, hai vị đại đệ tử, Ānanda, Nanda, Rāhula, thị giả Meghiya... cũng tìm cách chăm lo bữa ăn cho đức Phật. Mà nào có gì? Một chiếc bánh chapati cũng không có. Một vá cơm hẩm cũng không có. Nếu là gạo lứt lẫn với thóc lép, họ để vào bát đá, đâm nhuyễn, thật nhuyễn, trộn nước rồi lọc nước ấy dâng cho đức Phật uống. Cũng qua được mấy ngày. Nhiều vị xin đức Phật di chuyển xa về phương nam, có nhiều thị trấn khá hơn, nhưng đức Phật mỉm cười, nói rằng: - Đói thì có đói nhưng sẽ không có ai chết đâu, Như Lai biết rõ như vậy. Có đói chúng ta mới cảm thông với mọi người, với chúng sanh, mới biết rõ khi đói, người ta có thể làm tất cả những việc xấu ác trên đời, miễn là có cái gì đó đưa vào bụng! Cái quý nhất, cái bài học quý báu nhất của chúng ta, là tuy bụng đói nhưng tâm ta vẫn thanh tịnh, yên ổn, không có ác niệm nào khởi sanh lên được. Hãy dùng thiền định để nhiếp phục nó. Được thêm mấy ngày nữa, tôn giả Mahā Moggallāna đến quỳ bên chân đức Phật, tâu rằng: - Bạch đức Thế Tôn! Chư tăng, nhiều vị đã không thể chịu đựng được nữa rồi. Dân chúng cũng vậy. Đệ tử có khả năng, tay trái bốc chư tăng và mọi người, tay phải lật sâu

Minh Đức Triều Tâm Ảnh 157

khoảnh đất này lên, bên dưới có rất nhiều chất dinh dưỡng, có thể cứu đói cho chư tăng cùng mọi người trong vùng. - Không nên đâu, này Moggallāna! Cái gì cũng có nhân, duyên và quả của nó. Lật đất lên thì biết bao nhiêu sinh vật bị chết, ông biết rõ mà! Lại nữa, cả khoảnh rừng cây này, hồ suối, mương khe này, ông có thể phục hồi toàn bộ như cũ không? Vậy, không những rất nhiều sinh vật bị hy sinh mà một số cây cỏ cũng bị hy sinh nữa đấy! - Hay là đức Thế Tôn cho phép một số tỳ-khưu có đầy đủ thắng trí cùng đệ tử đi trì bình khất thực tại Bắc Cu-Lu châu(1)? - Cũng chưa cần thiết đâu, này Moggallāna! Sau đó, hình như là pháp bắt đầu đến thử thách thêm nữa, vì

chư tăng không những bị đói mà còn bị lạnh! Mưa dầm dề, mưa sụt sùi. Cốc liêu không có, gường không có, những tấm che thì đã lùng bùng, rách nát. Ai cũng chịu ướt, ướt rồi khô. Ngồi thiền phải tránh mưa góc này, góc khác... Tuy vậy, khi nhìn vào sắc mặt an nhiên, bình lặng của đức Phật và chư vị trưởng lão, chư tỳ-khưu như được tiếp thêm sức mạnh để chịu đựng. Hôm nọ, tôn giả Ānanda đi khất thực, phát giác một chuồng trại nuôi ngựa rộng lớn. Số là có một đoàn thương buôn với hàng hóa năm trăm cỗ xe từ Uttarāpatha xuống, vì trời mưa, nước sông dâng tràn bờ nên họ lập chuồng trại dừng chân ở đây mấy tháng, đợi hết mùa mưa. Vị trưởng đoàn khách thương, khi trông thấy tướng hảo quang minh của tôn giả Ānanda, ông cứ chăm chú nhìn mãi. Sau khi đặt bát cúng dường, ngay chính vật thực của mình, ông tò mò thăm hỏi. Tôn giả Ānanda tình thật trả lời.

(1) Có tứ đại châu (Mahādīpā): Bắc Cu Lu châu (Uttarakuru), Tây Ngưu Hóa châu (Aparagoyāna), Đông Thắng Thần châu (Pubbavideha), Nam Thiệm Bộ châu (Jambudīpa).

Cảm thông hoàn cảnh, ông ta nói: - Dân chúng đói nên chúng tôi cũng không dám quá đầy đủ. Do chúng tôi làm ăn, nuôi sức ngựa đường xa nên có thể nhín một phần thức ăn, một pattha(1) của ngựa. Vậy nhờ tôn giả trở về thông báo cho chư tăng hay, là chúng tôi sẽ cúng dường vào mỗi buổi sáng. Riêng đức Tôn Sư thì tôi xin được soạn một phần vật thực riêng. Hôm ấy, phần ăn của người chủ trại dâng cúng, đức Phật chỉ dùng một ít, phần còn lại, ai cũng nhường cho Rāhula. Sau đó, hóa ra thức ăn của ngựa cũng không đến nỗi nào. Nó có gạo, các loại đậu, đường cục nhưng lúa mạch là chính(2) nên ai cũng cố gắng chế biến để dùng, tuy khó ăn nhưng lại đủ dinh dưỡng. Riêng đức Phật thì người khách thương gởi dâng thêm bơ, sữa và mật các loại... Chư tăng ai cũng nghĩ thầm trong bụng, chắc đức Thế Tôn biết rõ chuyện này nên ngài đã không cho chư tăng dời sang phương khác. Biết rõ chuyện ngài phải ăn gạo có trấu, thóc lép; biết rõ cả chuyện chư tăng sẽ thoát đói nhờ thức ăn của ngựa. Ai cũng học được bài học quý báu về nhẫn nại và chịu đựng, dù thân đói, khổ vẫn không ảnh hưởng đến tâm tuệ của bậc xuất gia phạm hạnh.

(1)
Chừng bằng hai bàn tay bụm lại.
(2)
Ngài Buddhaghosa giải thích rằng, lúa mạch này đã được tách vỏ trấu và đã được hấp chín.

Thỉnh Thị Một Bộ Luật Hoàn Hảo

Tôn giả Sāriputta, sau khi ra khỏi định, giữ yên ỏ cận định, một ý nghĩ chợt khởi sanh, liên hệ đến sự tồn tại của giáo pháp nên ngài đã tìm đến đức Phật, quỳ bên chân, thưa rằng: - Bạch đức Tôn Sư! Giáo pháp thoát khổ quả là có những công năng nhiệm mầu. Trong lo toan, bận rộn ta tìm được sự yên bình, thanh thản. Trong những lao xao,

huyên náo ta tìm được sự định tĩnh, nghỉ ngơi. Trong sự nóng nảy của lửa tham, lửa sân ta tìm được sự mát mẻ và trong lành. Trong cơn đói thức ăn, đói vật thực ta vẫn giữ được sự an nhiên và vững chãi... Giáo pháp ấy mà tồn tại trên cuộc đời lâu xa chừng nào thì lợi lạc và an vui cho chúng sanh từng ấy. Vậy thì cho đệ tử được hỏi, giáo pháp của đức Chánh Đẳng Giác nào tồn tại lâu dài, và giáo pháp của đức Chánh Đẳng Giác nào không tồn tại lâu dài? Với câu hỏi ấy, đức Phật cho biết là giáo pháp chư Phật, ví dụ như Vipassī, Sikhī và Vessabhū không tồn tại lâu dài, còn giáo pháp của chư Phật Kakusandha, Koṇāgamana và Kassapa thì tồn tại lâu dài.

Khi tôn giả hỏi tiếp lý do thì đức Phật xác định là đức Phật nào không giảng dạy giáo lý một cách cặn kẽ, thuận thứ, không ban hành những giới luật căn bản chi tiết và nghiêm minh (cụ túc giới) để ràng buộc chư đệ tử trong một nếp sống kỷ cương và thanh tịnh thì giáo pháp ấy sẽ sớm diệt vong. Rồi đức Phật giảng với ý rằng: Giống như một số bông hoa đặt rải rác trên tấm ván sàn, nếu chúng không được những sợi chỉ kết dính lại với nhau thì chỉ một cơn gió mạnh thổi đến là nó sẽ tung tóe, tản mác khắp các hướng. Cũng vậy là đời sống phạm hạnh, nếu không có sự kết dính, ràng buộc bởi giới luật căn bản thì giáo pháp ấy rồi cũng bị tàn tạ và sớm diệt vong y như thế. Tôn giả Sāriputta cúi đầu ngẫm nghĩ một lát rồi thưa tiếp rằng: - Đệ tử đã hiểu. Trong mấy năm gần đây, đức Thế Tôn có chế định một số học giới, đa phần là cách sống, cách ứng xử phải lẽ; ngoài ra cũng có chế định thêm một số học giới liên hệ tư cách, phẩm hạnh của sa-môn. Nhưng một bộ luật hoàn chỉnh, cụ thể là những giới luật căn bản thiết cốt(1) cho chư tỳ-khưu để giữ gìn họ trong nếp sống phạm hạnh thiêng liêng để duy trì giáo pháp được lâu dài vẫn chưa có. Vậy xin đức Thế Tôn hãy ban hành giới luật căn bản ấy. Đức Phật nói: - Ông nói đúng, này Sāriputta! Nhưng mà từ từ đã. Ông có để ý là trong những năm đầu tiên chúng ta có giới luật nào đâu? Ai cũng sống hồn nhiên và trong sáng. Ai cũng tự biết là việc này nên làm và việc kia không nên làm. Ai cũng có sẵn giới luật ở trong tâm và họ tự điều chỉnh lấy, chẳng cần phải ai nhắc nhở ai. Như nhóm các ông Koṇḍañña, nhóm các ông Yasa, nhóm ba mươi hoàng tử Kosala, nhóm

(1) Pāṭimokkha: Giới bổn của tỳ-khưu.

ba anh em ông Kassapa và sau đó là các ông và Mahā Kassapa nữa... Và cho chí sau này, những chuyện xảy ra tại Kosambī, Jetavana, Veḷuvana do có trường hợp cụ thể phát sanh, chúng ta mới đưa ra những học giới có tính cách đối trị chứ chưa thiết lập những giới luật căn bản (Pāṭimokkha). Giới luật căn bản và đầy đủ (cụ túc) không thể hình thành trong một hai ngày mà phải trải qua năm tháng khi có những trọng tội, những ô uế phát sanh ảnh hưởng đến đời sống thiêng liêng phạm hạnh. Có giết người mới thiết chế tội để trục xuất kẻ giết người. Có trộm cắp mới thiết chế tội để trục xuất kẻ trộm cắp... - Đệ tử hiểu! - Ông phải để ý là lúc nào chư phàm tăng quá đông, lại không được giáo dục, tu tập một cách căn bản có hiệu quả thì lúc ấy, hoen ố sẽ phát sanh... - Thưa vâng! - Lúc nào chư tăng chưa đặt đúng trọng tâm, chưa hướng đến giác

ngộ, giải thoát mà cố gắng thiền định, đạt các thắng trí thì lúc ấy hoen ố sẽ phát sanh... - Thưa vâng! - Lúc nào, chư tăng chưa đặt được bàn chân đầu tiên trên lộ trình bất tử mà mãi lo trau dồi kinh pháp cho làu thông, cho uyên bác để hy vọng được làm luật sư, kinh sư, giảng sư, pháp sư có uy tín thì lúc ấy hoen ố sẽ phát sanh... - Thưa vâng! Lúc nào đời sống vật chất thịnh mãn thì danh vọng và lợi dưỡng lại trở thành ước mơ hoặc mục đích của một số tỳ-khưu Tăng ni thì lúc ấy hoen ố sẽ phát sanh... - Thưa vâng! - Lúc nào mà của cải, tài sản, y phục, vải vóc, giường nệm, tấm đắp... đa phần đều là vật trân quý nằm đầy các kho lẫm đại tịnh xá, tu viện... thì lúc ấy hoen ố sẽ phát sanh... - Thưa vâng! 162 Một Cuộc Đời Một Vầng Nhật Nguyệt

- Hiện tại, chư tăng các nơi đã đông đúc, phàm tăng cũng rất nhiều, những hiện tượng mà Như Lai vừa kể, theo đó, có nẩy mầm, đang nẩy mầm, có phát sanh nhưng chưa trầm trọng lắm. Có thể vài ba năm tới, từng bước, từng bước, chúng ta sẽ hình thành bộ luật căn bản này. Cứ hễ một người vi phạm cụ thể chúng ta chế định một học giới. Hai người vi phạm cụ thể chúng ta chế định hai học giới ... Ví như ông thầy thuốc, khi thấy một người bị bệnh, ông ta phải nghiên cứu, phải nhìn, quan sát, hỏi, nghe rồi xem mạch, sau đó mới bốc thuốc chẩn trị được. Bệnh này, phương này, bệnh khác, phương khác. Tùy bệnh cho thuốc. Có vết thương mới mổ xẻ, không vết thương mổ xẻ làm gì. Có bệnh mới có thuốc, không bệnh thì bốc thuốc làm gì. Pháp cũng y như vậy mà luật cũng phải y như vậy. Cứ thế, một trăm bệnh có một trăm toa thuốc, hai trăm bệnh hai trăm toa thuốc, dần dần nó sẽ toàn mãn, cụ túc - cụ túc giới là như thế đó, này con trai trưởng(1)! Tôn giả Sāriputta được nghe đầy đủ như thế, rất lấy làm thỏa mãn, hoan hỷ; sau đó, ngài không quên kể lại toàn bộ nội dung bệnh và thuốc cho Mahā Moggallāna và Ānanda nghe. Bên cạnh có Nanda, Meghiya và Rāhula, họ cũng được tiếp thu để mở rộng kiến văn.

(1) Từ hạ thứ 12 này, là thời điểm tôn giả Sāriputta thỉnh thị đức Phật ban hành một bộ luật hoàn hảo, nhưng đến hạ thứ 20 - khi có trường hợp tỳ-khưu Sudina “liên hệ” với người vợ cũ - giới bất cộng trụ lần đầu tiên mới được ban hành, cũng là thời điểm để các nhà chú giải giới thiệu về tạng Luật.

Minh Đức Triều Tâm Ảnh 163

164 Một Cuộc Đời Một Vầng Nhật Nguyệt

Chuyện Chim Cút, Chuyện Khỉ Vọọn

Hết mùa mưa, những con chim trong khu rừng này chuẩn bị cất cánh tung bay thì gia chủ thương buôn Udaya phương xa trở về. Ông vô cùng hối hận không cung cấp, hộ độ vật thực như lời thỉnh cầu, để cho đức Phật và tăng chúng bị đói suốt mấy tháng qua. Thấy đức Phật và Tăng chúng ai cũng an nhiên và thanh thản không trách cứ ông lấy một câu, ông mới cảm thấy rõ ràng, giáo pháp thoát khổ đã lặn sâu vào trong những con người kỳ diệu này. Nó còn tỏa ra nơi dung sắc, nơi thái độ, nơi cử chỉ khiến cho không gian môi trường, chỗ họ sống, ở, nơi nào cũng ấm áp, mát mẻ và thanh bình. Ông chảy nước mắt khi quan sát đức Phật và tăng chúng sống qua suốt mùa mưa ở dưới những cội cây không có cả một tiện nghi tối thiểu! Những bài pháp chân thực và

sống động đang diễn ra trước mắt khiến ông quỳ sụp xuống, đảnh lễ và xin sám hối một lượt nữa. Sau đó, ông trân trọng thỉnh mời đức Phật và hội chúng đến tại tư gia để ông được đặt bát cúng dường vào ngày mai. Đức Phật im lặng nhận lời. Đêm lưu trú cuối cùng ở đây, đức Phật giảng nói cho chư tăng nghe, là chư Phật quá khứ

Minh Đức Triều Tâm Ảnh 165

thường cho làm những cuộc lễ trước khi vào mùa an cư và sau khi hết mùa an cư. Nay vì một bộ luật đầy đủ chưa hình thành, vì nó sẽ từ từ hình thành trên lộ trình du hóa, nên chư tăng chỉ cần ngồi chồm hổm bên nhau, từng hai vị một để sám hối những tội mà mình đã vi phạm do thân khẩu ý bất tịnh, do cố ý hay do vô tình. Vị nhỏ hạ sám hối với người cao hạ và ngược lại, giống như mỗi tháng hai kỳ tại các tịnh xá. Hôm sau, ông bà-la-môn Udaya-Verañjā và gia đình tổ chức một buổi cúng dường trọng thể với vật thực thượng vị trân quý. Hai vị đại đệ tử nhắc chừng mọi người nên thọ dụng chừng mực, vừa phải vì dễ sinh tháo dạ hoặc bội thực vì vừa trải qua nhiều tháng "bụng không ruột trống"! Thấy ai nấy thọ thực đã xong, ông bà-la-môn quỳ xuống dâng cúng đức Phật một bộ tam y quý giá và chư tăng năm trăm vị là năm trăm bộ y như thế. Đức Phật thuyết một thời pháp khích lệ, trấn an, tăng trưởng đức tin cho toàn thể mọi người trong gia đình rồi cùng với hội chúng lên đường. Lần này đức Phật đi chậm hơn, như đi để thư giãn, nghỉ ngơi vì ai cũng đeo mang thêm một bộ y mới, nặng và vì vừa ăn no. Thấy thị giả Meghiya ôm mang đồ đạc khá nhiều, tôn giả Ānanda sớt bớt cho ông ta một ít. Đức Phật không trở lại khu rừng cũ mà theo bờ Bắc con sông, đi mãi, đi mãi. Nhờ sau mùa mưa, đất trời mát mẻ, đức Phật và hội chúng như vừa đi vừa du ngoạn. Lộ trình có vẻ xa xôi này, đức Phật không ghé Soreyya, Saṅkassa, Kaṇṇakujja(1) mà tại bến Payāgatittha, ngài qua sông Gaṅgā rồi xuống Bārāṇasī. Trên đường đi hoặc tại những chỗ dừng chân, đức Phật thường có một số pháp thoại tạo ấn tượng sâu đậm trong lòng chư tỳ-khưu trẻ. Ví như hôm ấy, lúc đi qua một đám

(1) Theo ngài Huyền Tráng - từ Saṅkassa đến Kaṇṇakujja dài khoảng 200 dặm.

166 Một Cuộc Đời Một Vầng Nhật Nguyệt

đất mới cày, thấy có mấy con chim cun cút nô đùa, rượt đuổi nhau, đức Phật quay sang hỏi Rāhula: - Này Rāhula! Mấy con chim cun cút kia trông có vẻ bình yên, thoải mái quá nhỉ? - Tâu vâng! - Tại sao chúng có được sự bình yên và thoải mái ấy, Rāhula có biết không? - Vì đấy là quê hương, là trú xứ của gia đình chúng, bạch đức Thế Tôn! - Là trú xứ của chúng! Hay lắm! Đức Phật khen ngợi như thế rồi nói tiếp - Rāhula biết không? Thuở xưa, ở ngọn đồi trước mặt, có một con cun cút bị một con chim ưng cái vồ bắt, nó than khóc như sau: "Ôi! Thật là đau xót cho tôi, là bất hạnh cho tôi, khi tôi đã không biết nghe lời cha khuyên, mẹ dạy! Nếu tôi mà nghe lời cha mẹ dạy bảo thì bà làm sao mà chụp bắt tôi được?" Chim ưng cái nghe vậy, ngạc nhiên hỏi: "Thế cha mẹ ngươi dạy làm sao?" Chim cút đáp:"Đừng có đi chơi xa, này con! Lúc nào cũng chỉ nên quanh quẩn nơi quê hương của mình, nơi trú xứ của mình thì suốt đời con sẽ được an toàn!" Chim ưng cái bất giác tò mò:"Vậy thì quê hương của ngươi, trú xứ của ngươi ở đâu, có thể chỉ cho ta xem với không?" Chim cút đáp:"Nơi chỗ đám đất vừa mới cày kia

là chỗ an toàn của tôi đó!" Chim ưng cái nói:"Thôi được rồi! Nếu ta thả ngươi tại đám đất mới cày ấy, ngươi sẽ được an toàn chăng?" Chim cút gật đầu mạnh mẽ:"Nhất định rồi! Không những tôi sẽ được an toàn mà tôi còn có khả năng thách đấu ngang tài, ngang sức với bà nữa đó!" Nghe chọc tức, với sức vóc như thế mà đòi đánh, đòi đấm, chim ưng cái mang chim cút thả xuống đám đất mới cày:"Hãy đi, này oắt con! Lần này ta sẽ không tha mạng cho ngươi nữa đâu! Mày chạy đằng trời, ta cũng vồ chụp được!" Khi được thả ra, chim cút đứng trên một hòn đất cao, cất giọng thách thức: "Này bà! Có gan thì hãy đến đây! Hãy Minh Đức Triều Tâm Ảnh 167

chiến đấu với ta!" Tức giận tràn hông, chim ưng cái lấy tất cả sức mạnh bình sinh, xếp xuôi đôi cánh rồi lao vút xuống mô đất. Trong lúc ấy, con chim cút khôn ngoan đã vội lẻn xuống, núp sâu dưới một khe đất. Thế là do sức lao quá mạnh, chim ưng cái va phải hòn đất cứng, bị bể ngực và chết liền tại chỗ! Kể chuyện xong, đức Phật ngồi nghỉ dưới một cội cây rồi kết luận: - Này chư tỳ-khưu! Con chim cun cút vì đi ra khỏi phạm vi giới hạn của mình, không phải là chỗ của mình, là chỗ của người khác, không phải là hành xứ của mình, trú xứ của mình nên sẽ gặp nhiều hiểm nguy, bất trắc. Chính đám đất cày mới là quê hương, là ngôi nhà cha mẹ, là trú xứ an toàn của con chim cun cút. Cũng vậy, nơi chỗ không an toàn, nơi chỗ nhiều bất trắc, hiểm nguy của những tỳ-khưu sống trong giáo pháp của Như Lai chính là phố thị, làng mạc, thôn ấp, chợ búa, nơi có những sắc tướng, những âm thanh, những mùi vị... hấp dẫn, mê ly, khả ái, khả lạc... Chỗ ấy là mồ chôn tỳ-khưu, là vực thẳm của tỳ-khưu, là nguyên nhân khổ thú, đọa xứ của tỳ-khưu! Vậy hãy trở về núp trốn nơi trú xứ của mình, quê hương của mình, ngôi nhà cha mẹ của mình. Ấy là tinh tấn, chánh niệm và tỉnh giác. Ấy là tứ niệm xứ, là quán thân, quán thọ, quán tâm, quán pháp, này chư tỳ-khưu! Bài thuyết giáo của đức Phật gây những xúc động cực mạnh. Chợt nhiên, ai cũng có cảm giác là mình phải sống đời thu thúc, gìn giữ thân khẩu ý nhiều hơn nữa, đừng lỡ dại rong chơi vào nhưng nơi chốn không phải là của mình. Chưa thôi, khi dừng chân tại một ngôi rừng có nhiều khỉ vượn, có bóng dáng, dấu tích của người thợ săn qua lại, đức Phật lại kể chuyện khác: - Này chư tỳ-khưu! Có một loại bẫy sắt cột chặt vào gốc cây, bên trong, thợ săn đặt những mồi ăn thơm ngon cùng 168 Một Cuộc Đời Một Vầng Nhật Nguyệt

một loại nhựa đặc chế để bẫy khỉ vượn. Chú khỉ, vượn nào khôn ngoan, ít tham ăn, thì nó đứng quan sát một hồi, thấy có vẻ hiểm nguy thì nó tránh xa. Còn chú vượn khỉ nào ngu si, tham ăn, thấy thức ăn ngon là thò tay vào chụp, thì bàn tay liền bị dính vào đấy. Nó nghĩ:"Ta sẽ gỡ bàn tay ra". Thế là bàn tay thứ hai bị dính luôn."Ta sẽ gỡ cả hai bàn tay". Nó giơ bàn chân vào nắm lấy, thế là cái chân cũng bị dính. Nó lấy bàn chân còn lại để gỡ thì cái chân kia cũng bị dính luôn. Cuối cùng, nó dùng miệng thì cái miệng nó cũng cùng chung số phận... Này chư tỳ-khưu! Thế là chú khỉ, vượn ngu si, tham ăn kia bị dính một lúc năm chỗ, rơi vào bất hạnh, rơi vào thống khổ, nằm thành một đống, một cục, giao phó sanh mạng mình cho thợ săn muốn làm gì đó thì làm. Nó rên rỉ, nó than khóc, nó hối hận mình đã si mê, ngu dại tham ăn nhưng đã muộn rồi! Người thợ săn lấy dây túm buộc nó, mang về nhà, đâm chết nó rồi nướng nó trên đống than củi cháy lèo xèo, trở thành món ăn thích khẩu cho vợ chồng, con cái gia đình người thợ săn! Cũng vậy, này chư tỳ-khưu! Hãy sống với trí tuệ để nhìn ngắm mọi sự, mọi vật.

Hãy dè chừng những hiểm nguy, những bẫy sập đến từ thế giới sắc tướng, âm thanh... cùng những vị ngon, vị ngọt của chúng. Bao giờ cũng thấy biết như thật rằng vị ngọt là nguy hiểm, vì là nguy hiểm nên phải lìa khỏi chúng! Chớ để dính vào năm chỗ là sắc, thanh, hương, vị, xúc, vùng vẫy không được rồi nằm ở đấy thành một cục, một đống để cho ma vương túm lấy, buộc dây mang đi. Hãy viễn ly tham. Hãy tinh tấn, chánh niệm và tỉnh giác. Hãy trở về nơi quê hương của mình, trú xứ của mình, nơi ngôi nhà an ổn, an toàn của cha mẹ mình, ấy là tứ niệm xứ, là niệm thân, niệm thọ, niệm tâm và niệm pháp vậy!

Minh Đức Triều Tâm Ảnh 169

Ngọời Cận Sự Nữ Dâng Thịt Đùi

Hôm kia, đức Phật và hội chúng dừng chân ở Isipatana (Vườn Nai), thấy trú xứ này chư tăng khá đông và tăng xá, cốc liêu cũng được sửa sang lại tương đối tươm tất. Một số chư vị trưởng lão như Assaji, Vappa, Yasa, Devadatta, Kaḷudāyi... trên đường du hóa nhiều nơi, đang có mặt ở đây, thấy đức Phật đến thăm, họ vô cùng hoan hỷ. Trong lúc hầu chuyện với đức Thế Tôn, các vị trưởng lão cho biết, ở bên này sông Gaṇgā thì giáo pháp phát triển tốt, nhưng bên kia sông, tại Bārāṇasī ngoại giáo vẫn đang hưng thịnh. Quần chúng vẫn nghiêng nặng về cúng tế, cầu nguyện chư thần ban phúc, giải họa với những nghi lễ cổ truyền. Các giáo phái khổ hạnh cực đoan vẫn được sự tôn trọng, ngưỡng mộ của quần chúng ngu si, cuồng tín. Đức Phật nhắc nhở chư vị trưởng lão rằng, đấy là đức tin ngàn đời đã bám sâu vào truyền thống, vào sinh hoạt tâm linh xã hội, không dễ gì một sớm, một chiều thay đổi tư duy và quan niệm sống của họ được. Điều quan trọng là chư tăng phải biết nhẫn nại, tu tập thêm bốn vô lượng tâm, ngoài ra phải có đời sống giới hạnh đoan nghiêm, thanh tịnh thì lần

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.